TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/HS-ST
Ngày 12 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Lợi
2. Bà Lưu Thị Lan Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thu Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2025 theo Qđịnh đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh ngày 12 tháng 3 năm 1991 tại xã YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm D, xã YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Phạm Văn H, sinh năm 1964 và bà Trần Thị X, sinh năm 1968; vợ: Nguyễn Thị Hồng N (đã ly hôn); vợ: Lò Thị L, sinh năm 1995, con: Có 2 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2022; tiền án: 0; tiền sự: Ngày 30/8/2019, Phạm Văn T bị Công an huyện ML, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành C về hành vi gây rối trật tự công cộng. Ngày 12/11/2019, T đã nộp phạt xong, số tiền 4.000.000 đồng. (ngày 11/01/2020 T thực hiện hành vi phạm tội). Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt Phạm Văn T 07 tháng tù về tội đánh bạc (T phạm tội ngày 26/9/2019). Ngày 18/01/2021, T chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Ngày 9/7/2020, T đã chấp hành xong toàn bộ phần án phí và phần truy thu nộp ngân sách nhà nước. Hoạt động bản thân: tháng 3 năm 2010, Phạm Văn T nhập ngũ tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, đến tháng 1 năm 2012 T

xuất ngũ trở về địa phương. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trịnh Văn T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn TĐ, xã YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn NB, xã SL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu 6, xã TV, huyện TN, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Chị Hồ Thị A, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn ĐK, xã A, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt).

+ Chị Đặng Thị T3, sinh năm 2005. Địa chỉ: Thôn NH, xã MK, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt).

+ Anh Phan Văn Q, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn PC, xã TC, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T, Trịnh Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C có quan hệ bạn bè quen biết nhau. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 10/01/2020, T, T1, T2, C uống rượu tại tổ dân phố TC, thị trấn BH, huyện BX. Đến khoảng 1 giờ ngày 11/01/2020, T rủ cả nhóm đến quán karaoke LP thuộc tổ dân phố TN, thị trấn BH, huyện BX để hát và được chủ quán là chị E, sinh năm 1986, HKTT: P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk sắp xếp hát tại phòng hát tầng 2 của quán. Sau khi vào phòng, T gọi điện thoại cho bạn là Phan Văn Q bảo Q đến đón bạn là Mai Thị Trúc V, sinh ngày 5/3/2004 ở khóm 3, thị trấn TC, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp (đang ở trọ tại xã SL, huyện BX) đến để hát cùng, Q đồng ý. Sau khi gọi điện thoại cho Q, T lấy 04 viên ma túy "kẹo" đưa cho T2, C, T1 mỗi người một viên, T một viên, tất cả sử dụng bằng hình thức uống. Sau khi cả nhóm sử dụng ma túy xong thì Đặng Thị T3 và Hồ Thị A (là nhân viên của quán) vào phục vụ rót bia. Cả nhóm cùng uống bia và hát đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 11/01/2020 thì Q, V vào phòng. Đến 02 giờ 10 phút ngày 11/01/2020, công an huyện BX kiểm tra hành C tại phòng hát tầng 2 quán karaoke LP, phát hiện thu giữ:

Kiểm tra phát hiện thu giữ tại phần khe tiếp giáp giữa hai ghế ngồi (hàng ghế bên trái theo hướng cửa phòng hát đi vào) có:

- 01 túi nilon kích thước (5 x 4)cm bên trong có 04 viên nén màu nâu nghi là ma túy, được niêm phong ký hiệu A1;

- 01 túi nilon màu trắng kích thước (3 x 3)cm bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng đá nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì kí hiệu A2.

- 01 túi xách giả da màu đen đặt trên loa gần cửa ra vào, bên trong có 01 túi nilon kích thước (3 x 3)cm bên trong có 1 phần viên nén ký hiệu "qp", được niêm phong ký hiệu A3.

Trên mặt bàn trong phòng hát phát hiện 01 đĩa sứ màu trắng, 01 ống hút tự chế.

Kết quả giám định:

Ngày 11/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện BX đã trưng cầu giám định đối với mẫu vật thu giữ A1, A2, A3 có phải là chất ma túy không? loại ma túy gì? hàm lượng chất ma túy.

Ngày 22/01/2020, Viện khoa học hình sự - Bộ Công An có kết luận giám định, xác định: 04 viên nén hình chữ nhật màu nâu xám gửi giám định ký hiệu A1 là ma túy, tổng khối lượng mẫu là: 1,8772 gam, loại MDMA; hàm lượng 36,2%.

Ngày 22/01/2020, Viện khoa học hình sự - Bộ Công An có kết luận giám định, xác định: mẫu tinh thể màu trắng đục gửi giám định ký hiệu A2 là ma túy, khối lượng: 0,9888gam, loại Ketamine, hàm lượng Ketamine trong mẫu là 64,6%.

Ngày 10/02/2020, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có kết luận giám định, xác định: 01 mảnh viên nén màu xám ký hiệu A3 gửi giám định là ma túy, khối lượng: 0,244gam, loại MDMA, Methamphetamine, hàm lượng MDMA, Methamphetamine lần lượt là 28,2% và 0,9%.

Hoàn lại đối tượng sau giám định: mẫu vật và vỏ bao gói được niêm phong.

Ngày 11/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BX ra các Qđịnh trưng cầu giám định để xác định tìm chất ma túy trong nước tiểu của Phan Văn Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn T, Trịnh Văn T1, Mai Thị Trúc V, Hồ Thị A, Đặng Thị T3, ký hiệu từ A4 đến A11.

Tại các bản kết luận giám định số 140, 141, 151, 152, 153, 155, 156, 157 ngày 16/01/2020 và ngày 18/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

+ Tìm thấy chất ma túy Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu thu của Phan Văn Qđược niêm phong trong chai nhựa ký hiệu A4 gửi giám định.

+ Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu thu của Nguyễn Văn C được niêm phong trong chai nhựa ký hiệu A5 gửi giám định.

+ Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu thu của Nguyễn Văn T2 được niêm phong trong chai nhựa ký hiệu A6 gửi giám định.

+ Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu thu của Phạm Văn T được niêm phong trong chai nhựa ký hiệu A7 gửi giám định.

+ Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu thu của Trịnh Văn T1 được niêm phong trong chai nhựa ký hiệu A8 gửi giám định.

+ Không phát hiện thành phần chất ma túy (Morphine, MDMA, Methamphetamine, Delta-9-tetrahydrocanabinol và Ketamine) trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu thu của Mai Thị Trúc V được niêm phong trong chai nhựa ký hiệu A9 gửi giám định.

+ Không phát hiện thành phần chất ma túy (Morphine, MDMA, Methamphetamine, Delta-9-tetrahydrocanabinol và Ketamine) trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu thu của Hồ Thị A được niêm phong trong chai nhựa ký hiệu A10 gửi giám định.

+ Không phát hiện thành phần chất ma túy (Morphine, MDMA, Methamphetamine, Delta-9-tetrahydrocanabinol và Ketamine) trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu thu của Đặng Thị T3 được niêm phong trong chai nhựa ký hiệu All gửi giám định.

Hoàn lại mẫu vật sau giám định: 0,00 ml mẫu và toàn bộ bao gói được niêm phong.

Ngày 25/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BX đã trưng cầu giám định đối với 01 đĩa sứ màu trắng và 01 ống hút tự chế được cuộn bằng 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng, 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng đã thu giữ tại hiện trường để tìm chất ma túy. Tại bản kết luận giám định số: 2792/KL-KTHS ngày 30/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: không tìm thấy chất ma túy thường gặp (Morphine, Heroin, Methamphetamine, MDMA, Ketamine, 2C-B và TFMPP) bám dính trên mẫu gửi giám định.

Hoàn lại mẫu vật sau giám định, gồm: 01 đĩa sứ màu trắng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng, 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng.

Về nguồn gốc số ma túy mà T cùng T2, C, T1 sử dụng tại quán karaoke LP, ban đầu Phạm Văn T khai được một người bạn ở tỉnh Ninh Bình (không nhớ là ai) cho vào khoảng tháng 10/2019 để sử dụng. Đến tháng 11/2024, T thay đổi lời khai: khoảng 23 giờ ngày 10/01/2020 tại quán karaoke LP, T2 bảo T đi mua ma túy về để sử dụng thì T đồng ý và TN với T2, C là cùng góp tiền mua 8 viên ma túy kẹo và 03 "chỉ ma túy ke". Sau đó, T liên hệ với người bạn tên S quê ở Tuyên Quang (không rõ nhân thân lai lịch), mua được của người này số ma túy trên với giá 400.000 đồng/1 viên ma túy kẹo, 2.000.000 đồng/1 chỉ ma túy ke, tổng số tiền là 9.200.000 đồng, nhưng chưa phải trả tiền ngay. 1 lúc sau, S mang ma túy đến quán thì T bảo C xuống cửa quán để lấy. Sau khi C lấy được ma túy mang vào phòng hát thì đưa cho T, T nhận và để trên bàn. Sau đó, T2 lấy ma túy "kẹo" chia cho T, C, T1 mỗi người 1 viên để sử dụng bằng hình thức uống, T2 cũng sử dụng 1 viên ma túy "kẹo". T2 đưa ma túy "kẹo" cho 2 nhân viên nữ là A và T3 nhưng họ không sử dụng. Sau đó, C lấy gói ma túy "ke" trên mặt bàn,

đổ ra đĩa sứ (là đĩa để hoa quả) có sẵn trong phòng để "xào" ma túy "ke", còn T cuốn ống hút tự chế bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng. Sau khi cuốn ống hút xong thì T, T2, C, T1 cùng nhau sử dụng ma túy "ke" bằng cách sử dụng ống hút, hít ma túy vào cơ thể qua mũi. Sau đó, Qvà V đến phòng hát, có sử dụng ma túy không thì T không rõ. Số ma túy mà cơ quan điều tra thu giữ tại khe ghế gần chỗ T ngồi (gồm 04 viên ma túy "kẹo" và 1 gói ma túy "ke") là ma túy của T mua để sử dụng tại phòng hát, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Công an huyện BX phát hiện, thu giữ. Ai là người cất giấu số ma túy trên tại khe ghế thì T không biết.

Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh, đấu tranh làm rõ đối với Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C và Trịnh Văn T1, tiến hành đối chất với Phạm Văn T. Tuy nhiên, T2, C, T1 không thừa nhận có bàn bạc với T về việc mua ma túy để cùng nhau sử dụng, không có việc C đi lấy ma túy, không thấy ai "xào" và sử dụng ma túy "ke", không có việc T2 chia ma túy "kẹo" cho mọi người mà chỉ có việc T2, C, T1 được T chia cho mỗi người 1 viên ma túy "kẹo" để sử dụng. Các đối tượng liên quan gồm: Trịnh Văn Q, Mai Thị Trúc V, Hồ Thị A, Đặng Thị T3 cũng khai không nhìn thấy ai sử dụng ma túy "kẹo" và "ke" ở trong phòng hát. Các đối tượng đều khai không biết nguồn gốc số ma túy mà công an thu giữ, không biết ai cất số ma túy trên tại khe ghế.

Cáo trạng số: 74/CT-VKSBX ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BX truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BX, trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội là 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/5/2024.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BX truy tố về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Văn T1, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình điều tra các anh xác nhận các anh có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại quán karaoke LP, tuy nhiên các anh chỉ là người được T cho ma túy để dụng, các anh đã bị Công an huyện BX đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các anh đã nộp phạt đủ và không có ý kiến gì khác.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên tại quá trình điều tra xác nhận sự việc bị cáo T cùng với T2, C, T1 có mặt tại phòng hát, nhưng không chứng kiến việc các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, khi công an huyện BX đến kiểm tra thì phát hiện thu giữ túi ma túy tại khe ghế gần chỗ T ngồi, các anh, chị không bàn bạc, tham gia chuẩn bị công cụ, phương tiện để tổ chức sử dụng ma túy, không sử dụng trái phép chất ma túy tại quán karaoke LP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Qđịnh tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BX, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BX, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, Qđịnh của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy các Qđịnh, hành vi tố tụng đều là hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 1 giờ ngày 11/01/2020, tại phòng hát tầng 2 của quán karaoke LP thuộc tổ dân phố TN, thị trấn BH, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc, Phạm Văn T đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới hình thức cung cấp cho Trịnh Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C mỗi người 01 viên ma túy "kẹo" (loại MDMA) để sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong thì T, T2, C, T1 bị Công an huyện BX kiểm tra, lập biên bản sự việc. Quá T kiểm tra phát hiện, ngoài số ma túy T cung cấp cho T2, C, T1 sử dụng thì T còn 04 viên ma túy "kẹo" (loại MDMA) trọng lượng 1,8772 gam và 01 túi nilon bên trong có chứa ma túy "ke" (loại Ketamine) trọng lượng 0,9888gam được cất giấu trong khe ghế ở trong phòng hát số 2, với mục đích để sử dụng sau.

Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Hành vi của Phạm Văn T vào rạng sáng ngày 11/01/2020 cung cấp ma túy cho các đối tượng Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1 để các đối tượng sử dụng đã phạm vào tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Đối với 02 người trở lên;"

Hành vi của Phạm Văn T tàng trữ 1,8772 gam ma túy MDMA và 0,9888 gam ma túy Ketamine là các chất ma túy được quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 của Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, cần căn cứ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 để tính tổng khối lượng của Ketamine và MDMA. Tổng tỷ lệ phần trăm khối lượng của 02 chất ma túy là: Ketamine = (0,9888g: 20g) x 100% = 4,944%; MDMA = (1,8772g: 5g) x 100% = 37,544%. Tổng cộng: 37,544% + 4,944% = 42,488%. Như vậy, tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của các chất ma túy dưới 100%, thì tổng khối lượng thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, hành vi của Phạm Văn T tàng trữ 1,8772 gam ma túy MDMA và 0,9888 gam ma túy Ketamine (tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của các chất ma túy là 42,488%), mục đích để sử dụng đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

... i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này "....

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý sử dụng chất ma túy của nhà nước, là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn và tội phạm khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây sự hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Trong khi đó diễn biến của tình hình tội phạm ma túy có chiều hướng gia tăng, Nhà

nước ta đang tích cực nhằm loại bỏ ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy, cần xét xử nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị kết án về tội đánh bạc và có 01 tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện các hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy, vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù một thời gian theo như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành những người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo là không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản ở địa phương, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 04 viên ma túy trọng lượng 1,8772 gam, loại MDMA và 01 túi nilon bên trong có chứa ma túy loại Ketamine trọng lượng 0,9888gam mà Công an huyện BX đã thu tại giữa khe ghế trong phòng hát số 2, Phạm Văn T khai nhận là ma túy của T mua để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng chưa sử dụng hết đã được các cơ quan giám định hoàn lại theo các Kết luận giám định số: 403, 404/C09-TT2 cùng ngày 22/01/2020 nên cần tịch thu, tiêu hủy đối với số ma túy này.

Đối với 01 phần viên nén màu xám trọng lượng 0,244gam, là ma túy loại MDMA, Methamphetamine đã thu tại túi xách giả da màu đen để ở trên loa gần cửa ra vào của quán Karaoke LP tại thời điểm T và các đối tượng đang hát. Tại cơ quan điều tra, ban đầu V thừa nhận túi xách là của V, còn không biết viên ma túy trong túi xách là của ai, không biết ai để vào trong đó, Sau đó, V thay đổi lời khai, không thừa nhận túi xách giả da màu đen và số ma túy trên là của V. Tại thời điểm ngày 11/01/2020, Mai Thị Trúc V mới 15 tuổi 10 tháng 6 ngày. Quá T điều tra, cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh số ma túy trên là của T, T1, T2, C và V hoặc của ai khác trong phòng hát. Do vậy, cần tịch thu, tiêu hủy số ma túy trên đã được niêm

phong theo Kết luận giám định số: 405/C09-TT2 ngày 10/02/2020 và túi xách giả da màu đen.

Đối với 01 đĩa sứ, 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng, các mẫu trả nước tiểu, kỳ hiệu từ A4 đến A11 cơ quan giám định hoàn lại cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6] Trong vụ án này còn có Trịnh Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại quán karaoke LP. Tuy nhiên, không có căn cứ xác định các đối tượng tham gia chuẩn bị công cụ, phương tiện để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy mà chỉ là người được T cho ma túy để dụng, nên không đồng phạm với Phạm Văn T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của các đối tượng là hành vi vi phạm hành chính. Công an huyện BX đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trịnh Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C là phù hợp.

Đối với Mai Thị Trúc V, Phan Văn Q, Hồ Thị A, Đặng Thị T3 không bàn bạc, tham gia chuẩn bị công cụ, phương tiện để tổ chức sử dụng ma túy, không sử dụng trái phép chất ma túy tại quán karaoke LP, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chủ quán karaoke LP là E đã cho Phạm Văn T thuê phòng hát vào ngày 11/01/2020, sau đó các đối tượng đã lợi dụng để sử dụng ma túy. Tuy nhiên, các đối tượng không hỏi và E không biết việc các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng nên E không phạm tội mà chỉ là hành vi vi phạm hành C. Ngày 17/01/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BX đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với E.

Đối với đối tượng tên S ở Tuyên Quang đã bán ma túy cho Phạm Văn T theo lời khai của T, nhưng T không biết cụ thể tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của người này nên không có căn cứ để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T **08 (Tám)** năm **03 (Ba)** tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, **01 (Một)** năm **08 (Tám)** tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội là **09 (Chín)** năm **11 (Mười một)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/5/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 03 mẫu vật hoàn trả lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói được niêm phong do Cơ quan giám định hoàn trả lại theo Kết luận giám định số 403, 404/C09-TT2 cùng ngày 22/01/2020, Kết luận giám định số 405/C09-TT2 ngày 10/02/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; 01 túi sách giả da màu đen, đã qua sử dụng; 01 bao gói được niêm phong do Cơ quan giám định hoàn trả lại bên trong có: 01 đĩa sứ hình tròn, 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng theo Kết luận giám định số 2792/KL-KTHS ngày 30/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc; 08 mẫu trả nước tiểu ký hiệu từ A4 đến A11 cùng toàn bộ bao gói được niêm phong do Cơ quan giám định hoàn trả lại theo Kết luận giám định số 140, 141/KLGĐ cùng ngày 16/01/2020, Kết luận giám định số 151, 152, 153, 155, 156, 157/KLGĐ cùng ngày 18/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 tờ tiền Polime mệnh giá 10.000đ (*Mười nghìn đồng*).

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Qsố 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện BX;
- CQTHAHS Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện BX;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP, THAHS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan